

BYK-MAX HS 4306

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : BYK-MAX HS 4306

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Additive for plastics

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
+65 3158 1074 (All languages)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**Phân loại theo GHS**

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 5

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Nhạy cảm với da : Cấp 1

**Độc tính sinh sản** : **Cấp 1B**

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại (Đường miệng) : Cấp 1 (Tuyến giáp)

**Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại** : **Cấp 2**

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo :

**Nguy hiểm**

**BYK-MAX HS 4306**

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cảnh báo nguy hiểm   | :<br>H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.<br>H315 Gây kích ứng da.<br>H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.<br>H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.<br>H360 Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh.<br>H372 Gây tổn thương cho các cơ quan (Tuyến giáp) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu nuốt phải.<br>H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.<br>H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.<br>H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Các lưu ý phòng ngừa | :<br><b>Biện pháp phòng ngừa:</b><br>P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.<br>P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.<br>P260 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.<br>P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.<br>P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.<br>P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.<br>P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.<br>P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.<br><br><b>Biện pháp ứng phó:</b><br>P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.<br>P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.<br>P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.<br>P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.<br>P391 Thu hồi chất tràn đổ.<br><br><b>Lưu trữ:</b><br>P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.<br><br><b>Việc thải bỏ:</b><br>P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn. |

**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

BYK-MAX HS 4306

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/08/18 Ngày in 2026/08/26

Bản chất hóa học : Additive concentrate for thermoplastic polymers

Thành phần nguy hiểm

|                         |           |                 |
|-------------------------|-----------|-----------------|
| Tên hóa học             | Số CAS    | Nồng độ (% w/w) |
| Potassium bromide (KBr) | 7758-02-3 | >= 50 - <= 100  |
| Aluminium Distearate    | -         | >= 30 - < 50    |
| Copper iodide (CuI)     | 7681-65-4 | >= 10 - < 12,5  |
| Potassium iodide (KI)   | 7681-11-0 | >= 5 - < 7      |

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
Tham vấn bác sĩ.  
Cho bác sĩ đang điều trị xem bảng dữ liệu an toàn này.  
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.  
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.  
Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi.  
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sĩ.  
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Được biết là chưa xảy ra.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột  
Carbon đioxit (CO2)  
Hóa chất khô
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.  
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được

BYK-MAX HS 4306

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa :   
thải phù hợp với các quy định địa phương.  
Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố :   
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Tránh tạo ra bụi.  
Tránh hít bụi.

Các cảnh báo về môi trường :   
Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.  
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.  
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố :   
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ :   
Tránh tạo ra bụi. Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :   
Tránh tạo ra các bụi hô hấp.  
Không được hít hơi/bụi.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.  
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :   
Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.  
Các bình chứa đã mở phải được đóng gán lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.  
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

| Thành phần           | Số CAS | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)   | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở  |
|----------------------|--------|----------------------------------|-------------------------------------------|--------|
| Aluminium Distearate | -      | TWA                              | 2 mg/m3 (Nhôm)                            | VN OEL |
|                      |        | TWA                              | 10 mg/m3                                  | VN OEL |
|                      |        | TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và | 1 mg/m3 (Nhôm)                            | ACGIH  |

**BYK-MAX HS 4306**

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

|                       |           |                                       |                                 |        |
|-----------------------|-----------|---------------------------------------|---------------------------------|--------|
|                       |           | miệng)                                |                                 |        |
| Copper iodide (CuI)   | 7681-65-4 | TWA (Bụi)                             | 0,5 mg/m <sup>3</sup><br>(Đồng) | VN OEL |
|                       |           | TWA (Khói)                            | 0,1 mg/m <sup>3</sup><br>(Đồng) | VN OEL |
|                       |           | TWA (Bụi hạt<br>hít phải qua<br>phổi) | 0,01 mg/m <sup>3</sup><br>(lốt) | ACGIH  |
| Potassium iodide (KI) | -         | TWA (Bụi hạt<br>hít phải qua<br>phổi) | 0,01 mg/m <sup>3</sup><br>(lốt) | ACGIH  |

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

- Bảo vệ hô hấp** : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.  
Cần đeo mặt nạ chống bụi khi nồng độ bụi vượt quá 10mg/m<sup>3</sup>.
- Bảo vệ tay**
- Ghi chú** : Mang găng tay thích hợp.
- Bảo vệ mắt** : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khí  
Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các vấn đề bất thường.
- Bảo vệ da và cơ thể** : Bộ quần áo bảo hộ không thấm bụi  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
- Các biện pháp vệ sinh** : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.  
Không hút thuốc khi sử dụng.  
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

**9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

- Trạng thái** : hạt
- Màu sắc** : màu trắng nhạt
- Mùi đặc trưng** : đặc tính
- Độ pH** : không tan
- Điểm/ khoảng nóng chảy** : chưa có dữ liệu
- Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu** : chưa có dữ liệu
- Điểm cháy** : chưa có dữ liệu
- Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)** : Có thể tạo thành bụi dễ cháy trong không khí.
- Giới hạn trên của cháy nổ** : Giới hạn trên của cháy nổ  
chưa có dữ liệu
- Giới hạn dưới của cháy nổ** : Giới hạn dưới của cháy nổ  
chưa có dữ liệu
- Áp suất hóa hơi** : chưa có dữ liệu
- Tỷ trọng hơi tương đối** : chưa có dữ liệu
- Khối lượng riêng** : 3,0 g/cm<sup>3</sup> (20,0 °C, 1.013 hPa)

**BYK-MAX HS 4306**

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

|                                |   |                               |
|--------------------------------|---|-------------------------------|
| Mật độ lớn                     | : | 1,1 kg/m <sup>3</sup> (20 °C) |
| Độ hòa tan                     | : |                               |
| Độ hòa tan trong nước          | : | hòa tan một phần              |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước | : | chưa có dữ liệu               |
| Nhiệt độ tự cháy               | : | chưa có dữ liệu               |
| Nhiệt độ phân hủy              | : | chưa có dữ liệu               |
| Độ nhớt                        | : |                               |
| Độ nhớt, động lực              | : | Không áp dụng được            |

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

|                                                             |   |                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng phản ứng                                           | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                  |
| Tính ổn định                                                | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                  |
| Phản ứng nguy hiểm                                          | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.<br>Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí. |
| Các điều kiện cần tránh                                     | : | chưa có dữ liệu                                                                                           |
| Vật liệu không tương thích                                  | : | Các chất oxy hóa mạnh                                                                                     |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                  |

**11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 5.000 mg/kg  
Phương pháp: Phương pháp tính toán

**Ăn mòn/kích ứng da****Sản phẩm:**

Ghi chú: Ăn mòn và phá hủy nghiêm trọng mô

**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt****Sản phẩm:**

Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi

**Kích thích hô hấp hoặc da****Sản phẩm:**

Ghi chú: Gây mẫn cảm.

**BYK-MAX HS 4306**

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

**Lượng độc lặp lại****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thông tin khác****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

**12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác :  
và các động vật không : Ghi chú: chưa có dữ liệu  
xương sống thủy sinh khác**Thành phần:****Copper iodide (CuI):**Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 10  
đối với môi trường thủy sinh)  
Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1  
tính đối với môi trường thủy  
sinh)**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Khả năng tích lũy sinh học****Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

**Các tác hại khác****Sản phẩm:**Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu hủy không chuyên nghiệp có thể gây ra  
các hậu quả về môi trường  
Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.  
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

**BYK-MAX HS 4306**

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

**13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ****Các biện pháp thải bỏ**

- Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.  
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
- Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN****Quy định Quốc tế****UNRTDG**

- Số hiệu UN : UN 3077  
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S.  
(copper iodide)
- Hạng : 9  
Nhóm hàng : III  
Nhãn : 9

**IATA-DGR**

- Số UN/ID : UN 3077  
Tên vận chuyển thích hợp : Environmentally hazardous substance, solid, n.o.s.  
(copper iodide)
- Hạng : 9  
Nhóm hàng : III  
Nhãn : Miscellaneous Dangerous Goods  
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 956  
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 956

**Mã IMDG**

- Số hiệu UN : UN 3077  
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S.  
(copper iodide)
- Hạng : 9  
Nhóm hàng : III  
Nhãn : 9  
Mã EmS : F-A, S-F  
Chất ô nhiễm đại dương : có  
Ghi chú : IMDG Code segregation group - none

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

**BYK-MAX HS 4306**

Mã sản phẩm: 000000000000132940

Phiên bản 4.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2026/08/18

Ngày in 2026/08/26

**15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT****Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT****Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); LSPN - Danh sách các chất nguy hại được thông báo (Chile); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TEGI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.